

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 07-3-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thạch Phới.
- Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh mở phiên xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLST – DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐST-DS, ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: số 266-268, đường N, phường V, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn Công N – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh. Theo quyết định ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021.

Địa chỉ: số 555, đường N, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh T.

Ông Đỗ Văn Công N ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lâm Văn T, chức vụ: Trưởng phòng – Phòng giao dịch Tiểu Cần theo văn bản ủy quyền số 10/2024/GUQ – CNTV ngày 06/3/2024.

Bị đơn:

1. Ông Thạch Qui C, sinh năm 1976 (vắng mặt).
2. Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thạch Thị Út S, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh T

2. Ông Thạch B, sinh năm 1946 (vắng mặt).

3. Bà Thạch Thị Q, sinh năm 1949 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh – PGD Tiểu Cần với vợ chồng ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 202025654659 ngày 01/10/2020. Số tiền vay: 300.000.000 đồng. Lãi suất cho vay: 10%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay: 36 tháng. Phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả lãi: Định kỳ 04 tháng trả lãi 01 lần, vào ngày 25 hàng kỳ. Kỳ hạn trả nợ vốn: Vốn gốc trả theo thời hạn trả nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ. Tính đến hết ngày 07/3/2024, ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 435.171.780 đồng, trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 96.445.479 đồng; Lãi quá hạn: 38.726.301 đồng.

Tài sản đảm bảo: Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202025654659 ngày 01/10/2020 gồm: Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 0001, diện tích 5.520m², loại đất: Ruộng 02 vụ lúa, đất tọa lạc tại: Ấp Nhứt, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 0001, diện tích 1.040m², loại đất: Ruộng 02 vụ lúa, đất tọa lạc tại: Ấp Nhứt, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 0001, diện tích 3.620m², loại đất: Thổ quả, đất tọa lạc tại: Ấp Nhứt, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 386707 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 06/8/1994 cho Thạch B, ngày 25/9/2017 bà Thạch Thị Út S nhận tặng cho theo hồ sơ số 012235.TA.002; 012236.TA.002; 012237.TA.001. Việc thế chấp và nhận thế chấp tài sản đảm bảo nêu trên được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần ngày 01/10/2020. Tất cả các tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N chỉ trả lãi được 01 kỳ số tiền 10.362.000 đồng và không thực hiện tiếp tục việc trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ dẫn đến khoản vay bị quá hạn Ngân hàng đã gửi thông báo yêu cầu ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N trả nợ nhưng ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N đều không thực hiện theo có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng và các bên liên quan theo đúng quy định.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu những vấn đề sau đối với bị đơn:

1. Buộc ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 202025654659 ngày 01/10/2020 với tổng số tiền 435.171.780 đồng, trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 96.445.479 đồng; Lãi quá hạn: 38.726.301 đồng.

2. Buộc ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 202025654659 ngày 01/10/2020, kể từ ngày 08/3/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

3. Trường hợp ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, các tài sản bảo đảm cụ thể là: Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 0001, diện tích 5.520m², loại đất: Ruộng 02 vụ lúa, đất tọa lạc tại: Ấp Nhứt, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 0001, diện tích 1.040m², loại đất: Ruộng 02 vụ lúa, đất tọa lạc tại: Ấp Nhứt, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 0001, diện tích 3.620m², loại đất: Thổ quả, đất tọa lạc tại: Ấp Nhứt, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 386707 do UBND huyện Tiểu Cần cấp ngày 06/8/1994 cho Thạch B, ngày 25/9/2017 bà Thạch Thị Út S nhận tặng cho theo hồ sơ số 012235.TA.002; 012236.TA.002; 012237.TA.001.

Ông Thạch Qui C là bị đơn vắng mặt, có lời khai trình bày:

Ngày 01/10/2020, ông cùng với vợ ông là bà Nguyễn Thanh N có vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên do công việc làm ăn không được thuận lợi nên vẫn chưa trả được vốn và lãi cho Ngân hàng. Khi vay em ruột của ông là bà Thạch Thị Út S có sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà S đứng tên để bảo lãnh cho ông vay vốn.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông và bà Nguyễn Thanh N trả số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì ông đồng ý trả cho Ngân hàng.

Bà Nguyễn Thanh N là bị đơn vắng mặt, có lời khai trình bày:

Ngày 01/10/2020, bà cùng với ông Thạch Qui C có vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên do công việc làm ăn không được thuận lợi nên vẫn chưa trả được vốn và lãi cho Ngân hàng. Khi vay bà Thạch Thị Út S có sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà S đứng tên để bảo lãnh cho bà và ông C vay vốn.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà và ông Thạch Qui C trả số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì bà đồng ý trả cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thạch Thị Q vắng mặt có lời khai trình bày như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 0001, diện tích 5.520m²; thửa đất số 91, tờ bản đồ số 0001, diện tích 1.040m² và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 0001, diện tích 3.620m², đất tọa lạc tại: Ấp Nhứt, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh là của gia đình bà, do ông Thạch B đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 25/9/2017 hộ gia đình bà tặng cho lại các thửa đất trên cho bà Thạch Thị Út S, bà và ông Thạch B biết việc bà S dùng các thửa đất trên để làm tài sản đảm bảo cho ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Sau khi tặng cho 03 thửa đất cho bà Thạch Thị Út S, bà S không trực tiếp quản lý sử dụng mà giao lại cho bà và ông B quản lý, sử dụng còn bà S đi làm ăn xa không có ở nhà.

Nay trong trường hợp ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng thì bà và ông B thống nhất cho Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Út S, bà Thạch Thị Q và ông Thạch B đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 435.171.780 đồng, trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 96.445.479 đồng; Lãi quá hạn: 38.726.301 đồng. Kể từ ngày 08/3/2024, ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 202025654659 ngày 01/10/2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí, chi phí thẩm định đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự và quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ hợp đồng cho vay số 202025654659 ngày 01/10/2020, bị đơn cư trú tại ấp Giồng Lớn, xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quá trình tổng đạt các văn bản của Tòa án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Út S, bà Thạch Thị Q và ông Thạch B theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N, bà Thạch Thị Út S, bà Thạch Thị Q và ông Thạch B vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp: Hợp đồng tín dụng số 202025654659 ngày 01/10/2020 được ký kết giữa Ngân hàng với

ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N và hợp đồng thế chấp số 202025654659 ngày 01/10/2020 ký kết giữa Ngân hàng với bà Thạch Thị Út S là hoàn toàn tự nguyện tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng được quy định tại Điều 116, 117, 119, 317, 463 của Bộ luật dân sự 2015; đối với hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 292, Điều 295, Điều 298 Bộ luật dân sự 2015, nên các hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật; các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng vay vốn Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng đã thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho ông C và bà N với số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên ông C và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn đã cam kết từ khi vay cho đến nay ông C và bà N chỉ trả lãi được 01 kỳ số tiền 10.362.000 đồng; mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó việc Ngân hàng yêu cầu ông C, bà N trả số tiền nợ tính đến ngày 07/3/2024 với tổng số tiền là 435.171.780 đồng, trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 96.445.479 đồng; Lãi quá hạn: 38.726.301 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/3/2024 theo hợp đồng tín dụng số 202025654659 ngày 01/10/2020 cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng là phù hợp theo qui định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 Điều 7 khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Như nhận định phân trên, hợp đồng thế chấp số: 202025654659 ngày 01/10/2020 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với bà Thạch Thị Út S là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè tiến hành ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần triệu tập bà Thạch Thị Út S nhiều lần tuy nhiên bà S vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án, Tòa án tiến hành thẩm định tài sản thế chấp, từ đó biết được thửa đất số 88, tờ bản đồ số 0001, diện tích 5.520m²; thửa đất số 91, tờ bản đồ số 0001, diện tích 1.040m² và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 0001, diện tích 3.620m², đất tọa lạc tại: Ấp Nhứt, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh hiện nay bà S đã giao lại cho bà Thạch Thị Q và ông Thạch B trực tiếp quản lý, sử dụng, việc bà S sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho ông C, bà N vay vốn thì bà Q và ông B đều biết, nay trong trường hợp ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng thì bà Q và ông B thống nhất cho Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí thẩm định tài sản là 600.000 đồng số tiền này phía nguyên đơn đã tạm nộp và chi cho việc thẩm định tài sản xong bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ chi phí thẩm định với số tiền 600.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 72, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, khoản 2, Điều 292, Điều 295, Điều 298, khoản 1 Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lỗi sai suất phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 07/3/2024 với tổng số tiền là 435.171.780 đồng (*Bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm tám mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 96.445.479 đồng; Lãi quá hạn: 38.726.301 đồng.

Kể từ ngày 08/3/2024, ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 202025654659 ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên bán đấu giá đối với tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 202025654659 ký ngày 01/10/2020.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N phải chịu 21.406.871 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 9.208.606 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0009206 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè thu lại của ông Thạch Qui C và bà Nguyễn Thanh N số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để giao trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Tú